

Phiếm của Huỳnh Mộng Tuyên

Huỳnh Mộng Tuyên

Để đóng góp cho Lã Thư Ái Hữu Công chánh, tôi xin viết một bài về chim. Cũng là tài liệu sưu tập. Gồm 3 đoạn. Đoạn 1 viết về thú chơi chim cu, đoạn 2 viết về con chim cò trong ca dao tục ngữ, đoạn 3 viết về con chim quốc trong văn chương Việt Nam.

Thú chơi chim cu.

Cu kêu ba tiếng cu kêu.

Trông mau tới tết dựng nêu ăn chè

Dựng nêu thì dựng đầu hè

Để sân gieo cải, vãi mè mà ăn.

Hoặc

Cu kêu ba tiếng cu kêu

Hai mươi ba tháng chạp dựng nêu trước nhà

Ngày 23 tháng chạp âm lịch là ngày tiễn đưa ông bà Táo về Trời phúc trình chuyện thế gian, cũng trùng với ngày lễ dựng cây nêu, có cúng xôi chè. Nêu là một cây tre cao thẳng, trên đỉnh ngọn có mấy cành lá còn xanh tươi, có treo một lá bùa viết bằng chữ nôm, vài tấm giấy vàng bạc, ít lá trầu, năm ba trái cau. Dưới gốc nêu có một lu nước. Đến ngày mùng 7 tháng giêng, có lễ cúng hạ nêu, khi đó đám nhóc trẻ con được tắm nước nêu, để trừ ma quỷ, được khỏe mạnh, loại trừ ốm đau, thông minh và học hành thành đạt.

Tục ngữ dân gian Việt Nam còn dí dỏm khuyên:

Ở đời có bốn cái ngu

Làm mai, gánh nợ, gác cu, cầm châu

Khi tìm hiểu về cái ngu thứ ba là gác cu, tìm hiểu thêm về con chim cu. Có nhiều loại chim cu, nhưng đáng kể nhất là cu cườm. Lòng cổ có viền điểm màu trắng. Là loại cu gáy tìm thấy nhiều ở đồng quê miền Nam Việt Nam. Tiếng gáy chim này cực điểm âm điệu gáy gù. Nên chúng được ưa chuộng, và được xếp vào bốn loại chim quý là Yểng, Mi, Khuyên, Cu.

Chim cu là loại dễ nuôi, ăn lúa, ở lồng nhỏ cũng được.

Chim cu còn có giá trị kinh tế cao, và được hầu hết giới chơi chim ở Việt Nam ưa thích, mua về nuôi, để mỗi buổi sáng, uống trà ngồi nghe cu gáy.

Đi đánh bẫy để bắt chim cu được gọi là “gác cu”. Gác cu phải có lồng bẫy, gậy, ống kích, cu môi.

Lồng bẫy: Là lồng chim được ngăn thành hai phần, một phần để nhốt cu môi, một phần kia được thiết kế thành cái bẫy, có cửa sẽ sập xuống để nhốt con cu sa bẫy. Các phần của lồng bẫy được che phủ bằng vải hoặc cành lá, chỉ để hở mặt cửa sập nhằm dẫn dụ chim vô phía đó.

Gậy: Làm bằng tre, ở cuối gậy có móc, để treo lồng chim lên cao và gạt các cành lá chỗ vị trí treo lồng.

Ống kích: Ống này tương tự như ống sáo, khi thổi phát ra âm thanh giọng như tiếng cu gáy để dụ cho con chim môi gáy. Khi chim môi gáy thì chim trời bay đến để tranh giành địa thế.

Chim môi: Là chim cu trống gáy đã được thuần dưỡng, chim môi có tiếng gáy tốt để dụ chim trời bay đến mà sa bẫy.

Người bẫy chim đến khu vực có chim trời, chọn vị trí treo lồng bẫy. Sau khi treo xong, người bẫy chim chọn vị trí kín đáo mà ẩn nấp để theo dõi kết quả.

Chim cu gáy là loài sống định cư, vào mùa sinh sản, chim trống cạnh tranh nhau để giành chim mái, nên khi phát hiện tiếng chim môi gáy, chim trời gần đó sẽ phản ứng lại để “khẳng định” chủ quyền, nên nó sẽ tiếp cận chim môi để phân định thắng bại. Chim trời chui vào lồng theo hướng có cửa sập. Khi chạm vào thanh cò lẫy, sẽ bị sập bẫy.

Người gác cu phải nhiều phen nằm chồm hỏm canh chừng trong bụi rậm, chịu côn trùng cắn, lại phải đề phòng rắn rít độc. Nên bị dân gian liệt họ vào hàng ngu thứ ba trong bốn cái ngu.

Tuy nhiên đó cũng là một trong những thú tiêu khiển và còn là một nghề kiếm sống của một số người trong vùng quê Việt Nam. Tiêu biểu có chàng Cu Đức ở thôn 5, xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang. Nhờ nghề gác cu mà đã nuôi sống gia đình gồm một mẹ già và hai em còn đi học. Đức vốn có năng khiếu, chịu cực, và kinh nghiệm trong nghề của cha truyền lại. Đức có 5 lồng bẫy và 5 con cu mỗi. Mỗi sáng, Đức đi dạo quanh vùng, lắng tai nghe để phát hiện nơi nào có tiếng chim trời gáy. Sau đó, chọn vị trí treo lồng. Thường Đức treo 3 lồng một lúc chỗ các cành cây thuận tiện cho chim trời tiếp cận. Rồi ẩn vào một nơi kín đáo không dám gây tiếng động khiến chim trời sợ mà bay đi. Rồi theo dõi diễn biến cuộc cạnh tranh giữa chim mồi và chim trời.

Đức có năng khiếu dùng miệng huýt sáo thay ống sáo kích để phát ra âm thanh giống như tiếng cu gáy để dụ cho chim mồi gáy. Thường thường Đức bẫy được đôi ba con chim mỗi ngày.

Chim cu mà đuôi vót, tức là chỗ bấp đuôi thì lớn, chót đuôi thì nhỏ, là con chim tốt và khôn. Chim có móng trắng gọi là “**bạch đê**” là chim quý hiếm. Chim mỏ đỏ là chim sát thủ, giống chim rất dữ, tiếng gáy to và hay, âm điệu vang xa, chọn làm mồi mang đi bẫy rất hiệu nghiệm.

Đức có tài phân biệt loại chim, đem chim hiếm quý đến nhà ông hội đồng Tiền đổi lúa. Có con đổi được 40 thùng lúa, mỗi thùng 20 lít. Số chim còn lại, má Đức đem ra chợ bán để mua thức ăn hàng ngày cho gia đình.

Nói đến ông hội đồng Tiền là một trọc phú chỉ biết ham tiền và đam mê nuôi chim cu gáy. Mỗi buổi sáng ông Tiền dậy sớm cùng người con cả, ngồi ngoài sân vườn, ăn cháo trắng với đường thẻ vàng, uống trà, mà nghe cu gáy không biết chán. Ông Tiền cố súp cả nhà cùng ăn cháo trắng cho tốt bụng và dễ tiêu. Có lẽ để đúng với tính keo kiệt của ông, và hợp với cái tiếng thòm mà người đời gán cho là ông “**Keo Tiền**”.

Hôm nay lũ cu nhà ông Tiền gáy rộ, báo hiệu được mùa lúa. Ông Tiền dục cậu cả nhanh chân xuống ghe đi thăm ruộng. Đúng là bọn cu có linh tính báo hiệu được mùa. Dọc

hai bên giòng sông, ông Tiền và cậu cả vui mừng ngắm những bông lúa vàng trĩu hạt.

Buổi trưa về đến nhà, ông Tiền vui mừng, gọi ông quản gia Minh thường cho mười con chim cu, nước uống và thóc lúa. Ông căn dặn ông Minh phải nhắc nhở bọn tá điền về lúa cho sạch và đóng đầy đủ, không cho ai thiếu nợ.

Cậu Thái con cả của ông hội đồng, được cho sang Tây du học, không đỗ đạt gì cả, và chỉ mang về nước mấy bằng khen khiêu vũ các điệu valse, tango. Cậu Thái tiêu tiền như nước chảy mùa lũ, và làm nhiều điều phi đạo lý với các trinh nữ trong vùng.

Con cò trong ca dao tục ngữ

Hình ảnh con cò trong văn hóa, có ảnh hưởng sâu đậm trong tâm trí người dân Việt Nam, nhất là ở nông thôn. Con cò là một trong những động vật với đồng ruộng làng quê cùng với con trâu, con gà, con heo. Tạo nên một bức tranh tổng thể về đồng quê Việt Nam.

Con cò được phản ảnh rất nhiều qua ca dao và dân ca. Là hình ảnh về thân phận của người phụ nữ nông thôn Việt Nam với tấm than gầy guộc, khăng khiu, da bọc xương, lặn lội bì bõm, tần tảo, lom khom, gọi là “**tấm thân cò**”. Trong dân ca, có điệu hát mang tên: cò lả, với âm điệu nhẹ nhàng, nói về “**mẹ cò**”.

Bài “**Con cò mà đi ăn đêm**” biểu tượng độc đáo của ca dao Việt Nam. Ẩn chứa một triết lý sống cao đẹp của người dân Việt.

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao
Ông ơi, ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục, đau lòng cò con.*

Một bài ca dao khác, nói về thân phận con cò, trong đó đã vẽ nên hình tượng của một người vợ, người mẹ, giàu đức tính hy sinh cho chồng con. Người vợ, người mẹ ấy vẫn cặm cùi như thân cò, lặn lội sớm hôm, vẫn chịu muôn ngàn cay đắng để cho chồng, cho con, có thể bằng bạn, bằng người.

*Cái cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non
Nàng về nuôi cái cùng con*

Cho anh đi trẩy nước non Cao Bằng

Một số bài ca dao khác như:

*Cái cò là cái cò con
Mẹ đi xúc tép để con ở nhà
Mẹ bay đến cánh đồng xa,
Mẹ sà chân xuống, phải mà con lươn.*

Số phận vất vả của “cò” qua ca dao:

*Con cò lặn lội bờ sông,
Cổ dài, mỏ cứng, cánh cong, lưng gù,
Bãi xa sông rộng sóng to,
Vì lo cái bụng, đi mò cái ăn.*

Một bài khác:

*Trời mưa quả dưa vẹo vọ
Con ốc nằm co,
Con trâu đánh đáo,
Con cò kiếm ăn.*

Hay

*Con cò lặn lội bờ ao
Ăn sung thì chát, ăn đào thì chua.*

Hình tượng người phụ nữ Việt Nam, gánh trên vai nhọc nhằn sớm hôm, biết bao tủi cực mà không biết giải bày cùng ai.

*Con cò bay lả bay la
Bay từ cửa phủ bay ra cánh đồng,
Cha sinh mẹ đẻ tay không,
Cho nên bay khắp tây đông kiếm mồi*

Trong xã hội Việt Nam thời phong kiến, quyền tự do yêu đương bị hạn chế, đặc biệt là tầng lớp lao động nghèo khổ, tuy nhiên tâm hồn của họ vượt khỏi sự phong tỏa của chế độ phong kiến, họ cất tiếng hát ca ngợi cuộc sống, ca ngợi tình yêu. Tất cả trao gửi vào ca dao với biểu tượng con cò, làm cho ca dao có sức sống mãnh liệt:

*Một đàn cò trắng bay quanh,
Cho loan nhớ phượng, cho mình nhớ ta.*

Hay

*Con cò lặn lội bờ ao
Phát phơ hai dải yếm đào gió bay*

Hoặc

*Con cò lặn lội bờ ao
Hỡi cô yếm đào, lấy chú tôi chăng?*

Con cò là hình ảnh, là biểu tượng của ao đầm, đồng ruộng. Một trong những hình ảnh đẹp nhất là hình ảnh đàn cò trắng như bông, bay liệng la đà trên ruộng lúa mênh mông bát ngát, trải rộng ra tận chân trời, mà ta gọi là “*thăng cánh cò bay*”. Có bài hát:

*Con cò, là cò bay lả, lả bay qua,
Bay từ là từ cửa phủ,
Bay qua là qua cánh đồng
Tính tình tang, là tang tính tình.*

Con Chim Quốc trong văn chương

Con quốc quốc vốn là chim cuốc. Tiếng “*quốc quốc*” do tá âm thành “*cuốc cuốc*” mà ra.

Trong bài thơ qua đèo ngang của bà Huyện Thanh Quan có câu:

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

Chim quốc hay là chim cuốc, còn có tên hán là đỗ quyên, từ quy hay đỗ vũ. Điển tích cho rằng vua nước Thục là Đỗ Vũ, thông dâm với vợ của một bề tôi tên là Biết Linh. Biết Linh giận nên dấy loạn, vua Thục mất ngôi, thất bại chạy trốn vào rừng, buồn khổ sinh bệnh mà chết. Từ đó, Thục Đế hóa thành con chim đỗ quyên, ngày đêm nhớ nước, tiếc nhà, kêu than mãi không thôi.

Trong truyện Đoạn Trường Tân Thanh của thi hào Nguyễn Du, có đoạn tả khúc đàn của Thúy Kiều gảy cho Kim Trọng nghe lúc tái hợp:

*Khúc đâu êm ái xuân tình
Ây mình Thục đế hay mình đỗ quyên*

Lại có điển khác chép: Thục Đế An Dương Vương vào năm 207 trước Tây lịch, có con gái là Mỵ Châu trao nỏ thần cho chồng là Trọng Thủy. Mất nỏ thần, vua thua trận, nhảy xuống biển tự tử, sau hóa thành con chim quốc kêu than nhớ nước.

Thi ca cổ điển Việt Nam dùng rất nhiều điển tích về con chim quốc. Như truyện ông Trần Danh An, một di thần nhà Lê (1428-1788) nghe tiếng quốc kêu mà cảm xúc, nhớ lại một triều đại hưng thịnh, nhớ công nghiệp dựng nước của vua Lê Thái Tổ và tài đức của các vua kế nhiệm. Với lòng yêu nước thiết tha, cảm xúc dâng tràn trong lòng thi sĩ, nên

gói ghém tâm sự của kẻ di thần trong mấy câu
thở thiết tha:

*Giá cô tại Giang Nam,
Đỗ quyên tại giang bắc
Giá cô minh gia gia
Đỗ quyên minh quốc quốc
Vi cầm do hữu quốc gia thanh
Cô thần đối thử tình vô cực*

Diễn nôm:

*Chim giá cô ở bờ sông nam
Chim đỗ quyên ở bờ sông bắc.
Giá cô kêu gia gia
Đỗ quyên kêu quốc quốc
Chim nhỏ còn kêu tiếng nước nhà
Cô thần đối cảnh tình man mác.*

Bà huyện Thanh Quan khi đi qua đèo
Ngang đã mượn tiếng quốc kêu để diễn tả
tâm trạng thảm kín của bà đối với công nghiệp
triều Lê;

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

Còn nhà thơ Chu Mạnh Trinh, đứng
trước Cổ Loa Thành, xưa kia là cung miếu
của vua Thục, nên nhà thơ bất giác sinh lòng
hoài cổ, nghe tiếng quốc kêu khắc khoải năm
canh vọng lên buồn bã:

*Cung miếu triều xưa nay vắng ngắt
Trăng mờ khắc khoải cuộc kêu thâu.*

Cụ Nguyễn Khuyến cho rằng tiếng
quốc gọi lên lòng thiết tha yêu nước của sĩ
phu bị mất nước và cũng là tiếng nói của
lượng tâm thôi thúc tác giả xông pha vào cuộc
chiến chung của dân tộc, nên Nguyễn tiên
sinh có bài thơ:

*Khắc khoải sầu đưa giọng lừng lơ
Ấy hồn Thục Đế thác bao giờ?
Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đừng gọi?
Hay là thương nước vẫn nằm mơ!
Ban đêm rờn rã kêu ai đó?
Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ*

Huỳnh Mộng Tuyên sưu tập.

Tháng 3 năm 2019.

TRỞ LẠI SÀI GÒN

*Đốt bao nhiêu thuốc lòng vẫn vắng,
Có hẹn hò đâu cứ đợi chờ?
Chốn cũ chiều nay vàng úa nắng,
Một mình uống cạn cả hư vô...
Đường phố thân quen đến cảm hoài,
Lòng buồn như vạt nắng tàn phai,
Chiều trôi không hết bao thương nhớ,
Bất giác tuôn theo tiếng thở dài...
Saigon dưới tán lá me bay,
Lẩn khuất đâu đây những dấu giày,
Của một chiều mưa trong ký ức
Đường về tay ấm giữa lòng tay...
Xa cách Sài Gòn mấy dặm thôi,
Hai mươi năm lẻ chẳng chung trời,
Hai mươi năm lẻ và Em nữa,
Một khối biệt tình, một biển khơi...
Lớp lớp bạn bè ly tán hết,
Chợt thềm dẫm chéncó ai đâu?*

*Thanh xuân gửi cả cho trời biếc,
Mái tóc hoa lau đã nát nhàu...
Lần nữa tìm về bao chốn cũ,
Công đường đỏ rực bóng cờ sao...
Láo liêng ánh mắt thằng du thủ,
Đi mãi...chờ nghe một tiếng chào!
Sài Gòn ngày ấy của ta sao?
Vẫn một trời xanh có khác nào;
Lòng nhói nỗi đau người mất của,
Thương chàng Từ Thức,...ngỡ chiêm bao!
Có thể ngày mai chiều sẽ mưa
Phân vân không biết ở hay về?
Ở - tìm lại chút hương hoài niệm,
Kéo để thời gian phủ bụi mờ...
Sài Gòn ta phải tạm chia tay,
Hẹn ước cùng nhau có một ngày,
Châu Ngọc bồng lên về Hạp Phố,
Dưới trời lộng gió bóng cờ bay....
LÊ PHƯƠNG NGUYỄN*